

Cơ sở giáo học pháp của kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ ở trung học phổ thông Việt Nam⁽¹⁾

Tô Thị Thu Hương*

Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 14 tháng 9 năm 2010

Tóm tắt. Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng trong giáo dục nói chung, dạy học ngoại ngữ nói riêng. Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện chiến lược dạy học ngoại ngữ trong nền giáo dục quốc dân nhằm tăng cường năng lực ngoại ngữ cho người học đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế thế giới, việc đổi mới kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ ở trung học phổ thông là một nỗ lực góp phần thực hiện thành công chiến lược này. Bài viết bàn về cơ sở giáo học pháp của kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ ở trung học phổ thông Việt Nam. Nội dung bài viết gồm 2 phần: 1. Mối quan hệ giữa kiểm tra, đánh giá và dạy học ngoại ngữ. 2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ có thể áp dụng ở trung học phổ thông Việt Nam.

Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng trong giáo dục nói chung, dạy học ngoại ngữ nói riêng. Chính vì vậy, trong Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ số 7984/BGDĐT-GDTrH ngày 01 tháng 9 năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) chỉ dẫn đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Ngoại ngữ để “thực sự thúc đẩy nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và sát đúng kết quả học tập của học sinh” [1]. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông (Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) qui định rõ giáo viên trung học cơ sở và phổ thông phải có một trong những năng lực chuyên môn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; cụ thể là:

“Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh bảo đảm yêu cầu chính xác, toàn diện, công

bằng, khách quan, công khai và phát triển năng lực tự đánh giá của học sinh; sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học” (Tiêu chí 15) [2].

Như vậy, có thể thấy rõ rằng giữa kiểm tra, đánh giá và dạy học ngày nay có mối quan hệ tương hỗ khăng khít. Theo Hughes [3], để đổi mới chất lượng đào tạo, chương trình và phương pháp dạy học, cần phải tác động ngay vào khâu kiểm tra, đánh giá để tạo lực bật. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, dựa vào chuẩn tối thiểu theo quy định của chương trình, sẽ giúp học sinh xác định rõ mục tiêu học tập và giáo viên xác định được mục tiêu dạy của mình. Ngoài ra, kiểm tra, đánh giá còn giúp khuyến khích, động viên học sinh học và giúp giáo viên sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh cách dạy, cách học nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

1. Mối quan hệ giữa kiểm tra, đánh giá và dạy học ngoại ngữ

Trước khi bàn về mối quan hệ giữa kiểm tra

* ĐT: 84-903292861.

E-mail: ttth04@gmail.com

⁽¹⁾ Bài viết này được công bố trong khuôn khổ đề tài KHCN cấp ĐHQGHN trọng điểm, mã số QGTĐ.09.09 do TS. Đỗ Quang Việt là chủ trì đề tài.

đánh giá và dạy học ngoại ngữ, cần nêu rõ nội hàm của các thuật ngữ, đặc biệt là kiểm tra và đánh giá. Trong khoa học đo lường giáo dục, thuật ngữ đánh giá được dùng để chỉ quá trình thu thập thông tin bằng nhiều phương pháp, công cụ như dùng bài thi/kiểm tra, quan sát, phỏng vấn, tự nhận xét, nhận xét của cấp trên, đồng nghiệp... nhằm giúp đưa ra các quyết định giáo dục cụ thể như xét tốt nghiệp phổ thông trung học, quyết định danh hiệu giáo viên dạy giỏi, tăng cường cơ sở vật chất cho trường học, v.v... Thuật ngữ kiểm tra chỉ việc sử dụng bài kiểm tra gồm những câu hỏi được thiết kế theo những chuẩn mực và nguyên tắc nhất định để lượng hóa thành tích học tập của học sinh cũng như kiểm tra hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Trong bài viết này, thuật ngữ kiểm tra, đánh giá chỉ quá trình thu thập thông tin bằng cách dùng các bài kiểm tra hoặc các dạng bài tập và các công cụ đo lường khác như quan sát của giáo viên, nhận xét của giáo viên, của bạn học, tự nhận xét của học sinh ... để đo lường kết quả học ngoại ngữ của học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

1.1. Kiểm tra, đánh giá là một phương pháp và một hình thức dạy học

Phạm Viết Vượng [4] tổng hợp các cách phân loại phương pháp dạy học của nhiều tác giả như E.I. Pêrôski, E.Gôlant, Iu K. Babanski, M.A. Đanhilốp, B.P. Êxipốp, I.F. Khaclamốp... xếp *phương pháp kiểm tra* và *phương pháp đánh giá* vào nhóm thứ tư trong bốn nhóm phương pháp dạy học hiện hành. Tác giả cũng xếp *bài kiểm tra* vào *hình thức lên lớp*, một trong những hình thức dạy học phổ biến ở trường phổ thông trung học Việt Nam hiện nay.

Nhìn chung, các giáo viên thường sử dụng hai hình thức kiểm tra, đánh giá là định kỳ và thường xuyên. Hình thức định kỳ thường là các bài kiểm tra, có thể là các bài kiểm tra 1 tiết, cuối học kỳ hoặc cuối năm học. Hình thức thường xuyên bao gồm các loại hình bài tập, các quan sát và nhận xét của giáo viên, của bạn học và của chính bản thân học sinh.

Sẽ hết sức sai lầm khi nói rằng việc dạy học và kiểm tra, đánh giá là hai việc hoàn toàn riêng

rẽ; trái lại, chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Các bài kiểm tra được xây dựng chủ yếu nhằm củng cố việc học, khuyến khích người học nỗ lực học tập cũng như đánh giá khả năng sử dụng và kiến thức về ngôn ngữ của người học. Một số người còn cho rằng các bài kiểm tra là những "đây tớ" của việc dạy và học. Tuy nhiên điều này không hoàn toàn chính xác, nhất là khi việc dạy học hoặc kiểm tra, đánh giá kém chất lượng hoặc không phù hợp với mục đích dạy học.

Việc kiểm tra, đánh giá tốt cần đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về: 1) *Tính giá trị* (validity) - tức là đo lường được cái định đo; 2) *Độ tin cậy* (reliability) - sự nhất quán trong kết quả đo lường; và 3) *Tính thực tế* (practicality) - phù hợp với điều kiện vật chất, kỹ thuật của trường sở tại.

Đôi khi các bài kiểm tra cũng không đáng tin cậy do chúng không đánh giá chính xác theo những yêu cầu đặt ra. Có thể nói khả năng thật sự của người học không thể được hoàn toàn phản ánh qua số điểm kiểm tra mà họ đạt được. Ở một chừng mực nào đó, nếu chỉ dựa vào điểm kiểm tra hay thi cử để suy ra kết quả học tập ngôn ngữ hay ngoại ngữ là không đáng tin cậy.

Có hai lý do thường làm cho các bài kiểm tra đánh giá thiếu tính chính xác. Lý do thứ nhất có liên quan đến nội dung và cách thức kiểm tra. Ví dụ không thể và không nên dùng cách kiểm tra bằng phương án nhiều lựa chọn (multiple choice) để kiểm tra hay đánh giá khả năng viết ngoại ngữ của người học, đặc biệt ở những trình độ cao. Lý do thứ hai là các bài kiểm tra thiếu *độ tin cậy*. Một bài kiểm tra có độ tin cậy cao ít có sự biến đổi. Có nghĩa là người học có khả năng làm bài với kết quả như nhau dù được kiểm tra ở bất cứ thời gian nào. Ngược lại bài kiểm tra không có độ tin cậy cao thường cho kết quả hoàn toàn khác nhau nếu người học được kiểm tra vào những ngày khác nhau. Cũng có hai nguyên nhân làm cho các bài kiểm tra không có độ tin cậy cao. Nguyên nhân thứ nhất là do các câu hỏi không rõ ràng hay tối nghĩa. Nguyên nhân thứ hai là do bài kiểm tra có nhiều cách cho điểm hay đánh giá.

Trong việc giảng dạy ngôn ngữ để cấp chứng chỉ hay chứng nhận người học đạt một trình độ nào đó về ngoại ngữ cần những bài kiểm tra hay

thi theo các chuẩn mực nhất định. Ngoài ra, những bài kiểm tra cũng giúp cho những người trực tiếp giảng dạy có thêm thông tin về người học để có thể điều chỉnh chương trình cho phù hợp với các đối tượng này.

Nếu như có một giáo viên hay một người ra đề kiểm tra ngoại ngữ nào đó đặt câu hỏi rằng “Thế nào là một bài kiểm tra hay cách kiểm tra tốt nhất?” thì có thể người này chưa thật sự hiểu rõ mục đích của các bài kiểm tra ngoại ngữ vì trong thực tế không có bài kiểm tra hay cách kiểm tra nào là tốt nhất hay hay nhất trong việc kiểm tra đánh giá ngôn ngữ. Một bài kiểm tra được cho là rất thích hợp cho mục đích kiểm tra này có thể vô dụng đối với mục đích kiểm tra khác hoặc cách kiểm tra này không thích hợp với đối tượng học này nhưng lại phù hợp với đối tượng khác. Thực tế cũng cho thấy cách một công ty kiểm tra, phỏng vấn các ứng cử viên xin việc có thể khác so với cách chúng ta kiểm tra người học trong nhà trường. Các bài kiểm tra hay cách kiểm tra cũng khác giữa hai trường hay hai tổ chức giáo dục khác nhau, tùy thuộc vào mục đích của các khóa học, mục đích và tầm quan trọng của các bài kiểm tra. Cho nên chúng ta có thể khẳng định rằng mỗi trường hợp kiểm tra đều có mục đích riêng của nó. Tuy nhiên, tất cả những bài kiểm tra hay đánh giá đều phải tuân thủ những tiêu chí sau đây:

- Đưa ra một cách nhất quán những tiêu chuẩn đánh giá chính xác những khả năng của người học mà các nhà giáo dục hay giáo viên quan tâm.

- Cung cấp thông tin cũng như mang lại hiệu

quả cho việc giảng dạy.

- Thích hợp về mặt thời gian và kinh tế.

Ngoài ra chúng ta cũng phải xác định rõ ràng mục đích khi kiểm tra, đánh giá người học. Có rất nhiều mục đích trong lý thuyết về kiểm tra đánh giá ngôn ngữ. Nhưng kinh nghiệm và thực tế cho thấy có 4 mục đích chính để kiểm tra, đánh giá khả năng ngoại ngữ của những người không bản ngữ:

- Mục đích thứ nhất là đánh giá sự thông thạo trong việc sử dụng ngôn ngữ của người học bất kể những người này đang theo học lớp nào (Proficiency).

- Thứ hai là tìm hiểu sự tiến bộ của người học trong khóa học mà họ đang theo học (Achievement).

- Thứ ba là xác định những điểm mạnh và điểm yếu cũng như những gì người học đã biết hoặc chưa biết (Diagnostic).

- Cuối cùng là kiểm tra trình độ ngôn ngữ của người học trước khi chọn lớp thích hợp cho họ theo học (Placement).

Trong dạy học ngoại ngữ ở trung học phổ thông Việt Nam hiện nay, mục đích chính là giúp học sinh sử dụng được ngoại ngữ như một công cụ giao tiếp trong sinh hoạt và làm việc sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học. Để sử dụng kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ như một phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, Bộ Giáo dục và Đào tạo [5] đã quy định cụ thể về tần suất và thời lượng kiểm tra trong khung phân phối chương trình ngoại ngữ - ví dụ về môn tiếng Anh như sau:

LỚP 10 (CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN)

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học/kiểm tra đầu năm	2
Unit 1	A day in the life of	5
Unit 2	School talks	5
Unit 3	People's background	5
	Test yourself A	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2

Unit 4	Special Education	5
Unit 5	Technology and you	5
Unit 6	An Excursion	5
	Test yourself B	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	The Mass Media	5
Unit 8	Community	5
	Test yourself C	1
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I	4
	TỔNG SỐ TIẾT	53

LỚP 10 (CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN)

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	Undersea world	5
Unit 10	Conservation	5
Unit 11	National parks	5
	Test yourself D	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 12	Music	5
Unit 13	Film and cinema	5
Unit 14	The world cup	5
	Test yourself E	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	Cities	5
Unit 16	Historical places	5
	Test yourself F	1
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ II	5
	TỔNG SỐ TIẾT	52

LỚP 11 (CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN)

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/kiểm tra đầu năm	2
Unit 1	Friendship	5
Unit 2	Personal experiences	5
Unit 3	A party	5
	Test yourself A	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 4	Volunteer work	5
Unit 5	Illiteracy	5
Unit 6	Competitions	5

	Test yourself B	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	World population	5
Unit 8	Celebrations	5
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I	4
	TỔNG SỐ TIẾT	52

LỚP 11 (CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN)

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	The post office	5
	Test yourself C	1
Unit 10	Nature in danger	5
Unit 11	Sources of energy	5
	Test yourself D	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 12	The asian games	5
Unit 13	Hobbies	5
Unit 14	Recreation	5
	Test yourself E	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	Space conquest	5
Unit 16	The wonders of the world	5
	Test yourself F	1
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ II	5
	TỔNG SỐ TIẾT	53

LỚP 12 (CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN)

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/kiểm tra đầu năm	2
Unit 1	Home life	5
Unit 2	Cultural diversity	5
Unit 3	Ways of socializing	5
	Test yourself A	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 4	School Education System	5
Unit 5	Higher Education	5
Unit 6	Future jobs	5
	Test yourself B	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	Economic reforms	5

Unit 8	Life in the future	5
	Test yourself C	1
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I	4
	TỔNG SỐ TIẾT	53

LỚP 12 (CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN)

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	Deserts	5
Unit 10	Endangered species	5
	Test yourself D	1
Unit 11	Books	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 12	Water sports	5
Unit 13	Sea Games	5
	Test yourself E	1
Unit 14	International organizations	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	Woman in society	5
Unit 16	Association of southeast Asian nations	5
	Test yourself F	1
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ II	5
	TỔNG SỐ TIẾT	52

LỚP 10 (CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học/kiểm tra đầu năm	1
Unit 1	School talks	7
Unit 2	People's background	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 3	Daily Activities	7
Unit 4	Special Education and Technology	7
	Consolidation 1	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 5	Technology	7
Unit 6	School Outdoor Activities	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	The Mass Media	7
Unit 8	Life in the Community	7
	Consolidation 2	2
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I	3
	TỔNG SỐ TIẾT	70

LỚP 10 (CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	Undersea World	7
Unit 10	Conservation	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 11	National Parks	7
Unit 12	Music	7
	Consolidation 3	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 13	Theater and Movies	7
Unit 14	The world cup	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	The Pacific Rim	7
Unit 16	Historical places	7
	Consolidation 4	2
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ II	4
	TỔNG SỐ TIẾT	70

LỚP 11 (CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/kiểm tra đầu năm	1
Unit 1	Friendship	7
Unit 2	Personal experience	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 3	Parties	7
Unit 4	Volunteer work and literacy programs	7
	Consolidation 1	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 5	Competitions	7
Unit 6	Population	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	Celebrations	7
Unit 8	Postal and tele communications service	7
	Consolidation 2	2
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I	3
	TỔNG SỐ TIẾT	70

LỚP 11 (CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	Nature in endanger	7
Unit 10	Sources of Energy	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 11	The asian games	7
Unit 12	Hobbies	7
	Consolidation 3	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 13	Entertainment	7
Unit 14	Space Conquest	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	Wonders of the World	7
Unit 16	An English Speaking World	7
	Consolidation 4	2
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ II	4
	TỔNG SỐ TIẾT	70

LỚP 12 (CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/kiểm tra đầu năm	1
Unit 1	Home life	7
Unit 2	Cultural diversity	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 3	School Education System	7
Unit 4	Higher Education	7
	Consolidation 1	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 5	Future jobs	7
Unit 6	Economic reforms	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	Youth	7
Unit 8	Future life	7
	Consolidation 2	2
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I	3
	TỔNG SỐ TIẾT	70

LỚP 12 (CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ

HỌC KỲ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	Deserts	7
Unit 10	Endangered species	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 11	Books	7
Unit 12	Water sports	7
	Consolidation 3	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 13	Sea Games	7
Unit 14	International organizations	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	Woman in society	7
Unit 16	Association of southeast Asian nations	7
	Consolidation 4	2
	Ôn tập, kiểm tra học kỳ II	4
	TỔNG SỐ TIẾT	70

1.2. Kiểm tra, đánh giá là một biện pháp quan trọng thúc đẩy quá trình dạy học

Các thông tin thu được từ các bài kiểm tra, đánh giá kiến thức, năng lực ngoại ngữ của học sinh phổ thông trung học sẽ cho giáo viên biết học sinh của mình có thể và không thể làm được gì với vốn ngoại ngữ của họ. Từ đó suy ra việc dạy đã đạt yêu cầu chưa; đồng thời xác định những lĩnh vực cần dạy kỹ hơn trong các bài tiếp theo. Ví dụ: một giáo viên dạy tiếng Anh lớp 10 nhận thấy hầu hết học sinh của mình đều không sử dụng đúng thời hiện tại hoàn thành của các động từ trong các bài kiểm tra 1 tiết ở học kỳ 1 nên đã nhận thấy có thể ở lớp 9 những học sinh này đã không được dạy cẩn thận về thời của động từ này. Giáo viên này sau đó đã dạy lại soạn nhiều bài luyện tập với thời hiện tại hoàn thành để giúp học sinh nắm vững bài hơn.

Về phía học sinh, kiểm tra, đánh giá cho họ thấy tiến bộ của mình, chỉ ra cho họ những điểm họ đã nắm vững hoặc cần học kỹ hơn, qua đó giúp họ có trách nhiệm hơn với việc học của bản thân; đồng thời cung cấp cho họ những mục tiêu cụ thể cần đạt được. Đó chính là hiệu ứng ngược

(washback) của kiểm tra, đánh giá tới quá trình dạy học.

Hiệu ứng ngược này có thể là tích cực hoặc tiêu cực. Nếu một bài kiểm tra được coi là quan trọng thì việc luyện thi sẽ chiếm toàn bộ thời lượng dạy học. Trong trường hợp nội dung và kỹ thuật kiểm tra không phù hợp với mục tiêu của chương trình học thì chắc chắn sẽ có hiệu ứng ngược tiêu cực hoặc có hại. Ví dụ: nếu kỹ năng viết tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nga... chỉ được kiểm tra bằng những câu hỏi nhiều lựa chọn thì giáo viên và học sinh sẽ gặp áp lực chỉ luyện những dạng bài kiểm tra nhiều lựa chọn thay vì luyện chính kỹ năng viết các ngoại ngữ đó. Rõ ràng là không ai muốn có hiệu ứng ngược tiêu cực này nhưng tình trạng hiệu ứng này vẫn tồn tại một khi đề thi ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học hay thi đại học vẫn chỉ tập trung chủ yếu vào từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng đọc, viết ngoại ngữ.

Tuy nhiên, hiệu ứng ngược này không nhất thiết phải là tiêu cực mà có thể tích cực, mang lại hiệu quả tốt cho dạy học ngoại ngữ. Nếu bài thi ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung

học được thiết kế dựa trên nhu cầu của thị trường lao động hoặc theo yêu cầu về ngoại ngữ mà một sinh viên năm thứ nhất phải đáp ứng như đọc sách giáo khoa bằng ngoại ngữ, nghe giảng và ghi chép bằng ngoại ngữ... thay vì một bài thi hoàn toàn theo kiểu nhiều lựa chọn thì có thể đạt được hiệu ứng ngược tích cực. Sẽ có tác động tức thì tới việc dạy học và chương trình ngoại ngữ, các lớp học sẽ được tổ chức theo cách khác và cách học của học sinh cũng sẽ thay đổi theo yêu cầu của bài thi mới.

Như vậy, để đạt được hiệu ứng ngược tích cực tới việc dạy học ngoại ngữ, cần:

- Kiểm tra những năng lực mà ta muốn người học có được. Ví dụ nếu ta muốn người học phát triển khả năng nói ngoại ngữ thì hãy kiểm tra, đánh giá khả năng này. Thông thường người ta hay kiểm tra những gì dễ kiểm tra hơn là những gì quan trọng nhất cho việc kiểm tra, đánh giá.

- Lấy tập mẫu lớn và khó tiên đoán. Thường thường một bài kiểm tra chỉ đo lường được một tập mẫu của những gì được nêu trong bảng đặc tính kỹ thuật của đề kiểm tra. Điều quan trọng là phải chọn được tập mẫu đại diện toàn bộ những đặc tính kỹ thuật của đề kiểm tra, nếu không, hiệu ứng ngược có thể không có ích như mong muốn. Bất kỳ khi nào nội dung của bài kiểm tra có thể tiên đoán được thì chắc chắn việc dạy và học sẽ chỉ tập trung vào những trọng tâm "tử" đó. Do đó cần cố gắng làm đề kiểm tra sao cho có thể phủ được một phổ lớn các mục tiêu dạy học.

- Đảm bảo dạng bài kiểm tra được các giáo viên và học sinh nắm chắc. Mục đích của bài kiểm tra, các đặc tính kỹ thuật và các câu hỏi mẫu cần được phổ biến cho những ai liên quan tới việc luyện thi. Việc này cũng giúp làm tăng độ tin cậy của bài kiểm tra [6].

2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ có thể áp dụng ở trung học phổ thông Việt Nam

2.1. Đánh giá kết quả học tập

Không giống các bài kiểm tra về sự thông thạo (proficiency tests), các bài kiểm tra đánh giá

kết quả (achievement tests) liên quan trực tiếp đến các khóa học. Các bài kiểm tra đánh giá này thường có hai dạng: Kiểm tra cuối khóa và kiểm tra giữa khóa.

2.1.1. Những bài kiểm tra cuối khóa

Những bài kiểm tra kết quả cuối cùng thường được tiến hành vào cuối khóa học. Những bài kiểm tra này thường do bộ giáo dục, hội đồng thi hay các nhà giáo dục của các tổ chức giáo dục và các trường ra đề và tổ chức. Nội dung của các bài kiểm tra phải liên quan đến nội dung của các lớp trong chương trình học. Tuy nhiên hiện nay, vấn đề liên quan này đang được các nhà chuyên môn ra đề kiểm tra đánh giá tranh luận.

Theo quan điểm của một số người ra đề kiểm tra thì nội dung của các bài kiểm tra cuối cùng phải liên quan trực tiếp đến nội dung chi tiết của khóa học hay sách và tài liệu các khóa học này đang sử dụng. Tuy nhiên chúng ta nên thấy rằng các bài kiểm tra dạng này có những điểm yếu của chúng. Nếu chương trình các khóa học, những tài liệu hay sách giáo khoa cho các khóa học này quá tẻ thì các bài kiểm tra này hoàn toàn cho ra kết quả sai. Điểm yếu thứ hai là kết quả kiểm tra chưa thật sự cho thấy được thành quả cuối cùng về mục tiêu của các khóa học. Ví dụ như một khóa học có mục tiêu là phát triển kỹ năng giao tiếp của người học, tuy nhiên trong suốt khóa học và trong kỳ kiểm tra cuối cùng chúng ta chỉ yêu cầu các học viên nói được một số câu đã được chuẩn bị sẵn về quê hương của họ, về thời tiết hay trường học của họ. Một khóa học khác giúp học viên nâng cao khả năng đọc hiểu tiếng Anh nhưng bài kiểm tra chỉ giới hạn trong những từ vựng mà các học viên đã biết. Và một ví dụ nữa là một khóa học dành cho các học sinh luyện thi môn tiếng Anh vào đại học, tuy nhiên toàn bộ chương trình học đều dạy theo chương trình tiếng Anh ở đại học. Với cách kiểm tra hay những khóa học như thế, chúng ta có thể khẳng định rằng kết quả kiểm tra không phản ánh đúng về kết quả học tập của người học.

Để tránh những điểm yếu này thì nội dung của những bài kiểm tra của chúng ta phải trực tiếp dựa vào mục tiêu của khóa học. Điều này

mang lại rất nhiều thuận lợi cho chúng ta. Thứ nhất các bài kiểm tra này bắt buộc những người phát triển chương trình phải có những mục tiêu rõ ràng cho các khoá học. Thứ hai là kết quả sau khi kiểm tra có thể cho chúng ta thấy những gì người học đạt được về những mục tiêu trong khoá học của họ. Đây cũng là cách buộc những người phát triển chương trình thiết kế một chương trình thích hợp cũng như cần trọng trong việc chọn sách hay tài liệu phù hợp với các mục tiêu của chương trình đưa ra. Ngoài ra nó cũng giúp tránh tình trạng dạy qua loa. Dạng kiểm tra đánh giá này hiện nay rất phổ biến trong các lớp dạy ngoại ngữ ở hầu hết các quốc gia vì nó cung cấp những thông tin chính xác về kết quả học tập của người học.

Là những nhà giáo, chúng ta cần phải tránh những hiệu ứng ngược trong việc kiểm tra đánh giá các học viên. Nếu chúng ta thiết kế những bài kiểm tra dạng này cho nhiều lớp hay khoá học cùng với lớp chúng ta đang giảng dạy thì chúng ta nên cố tránh tình trạng thiết kế bài kiểm tra để đánh giá những gì chính chúng ta đã dạy vì như thế chúng ta có khuynh hướng thiên vị những học viên của lớp chúng ta. Để công bằng cho tất cả các học viên của các khoá học hay các lớp học, chúng ta nên dựa vào chương trình học hay sách giáo khoa của các khoá học để thiết kế các bài kiểm tra chứ không nên dựa vào những gì chúng ta đã dạy. Nếu làm được điều này, chúng ta có thể thiết lập và duy trì một tiêu chuẩn đánh giá chắc chắn cho mỗi khoá học hay mỗi năm học dù cho giáo viên nào dạy hay lớp học nào.

Trong quá trình thiết kế bài kiểm tra dạng này, đôi khi chúng ta gặp trở ngại trong vấn đề cần thêm gì và cần bớt gì trong bài kiểm tra của chúng ta vì có quá nhiều đề mục trong chương trình của chúng ta. Trong trường hợp này sự hợp tác với đồng nghiệp là hết sức quan trọng và cần thiết.

2.1.2. Những bài kiểm tra giữa khóa

Những bài kiểm tra đánh giá này nhằm mục đích tìm hiểu sự tiến bộ của người học và những kiến thức cũng như kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và những kỹ năng hay kiến thức này có phù hợp với mục đích của khóa học không.

Để tiến hành những bài kiểm tra giữa khóa có hiệu quả, chúng ta nên chia mục đích cuối cùng của khóa học thành nhiều mục đích phụ trong suốt chương trình và sau đó tiến hành kiểm tra đánh giá theo từng mục đích phụ này. Kết quả kiểm tra theo từng mục đích này giúp các giáo viên và các nhà giáo dục quyết định có nên điều chỉnh chương trình của khóa học hay điều chỉnh phương pháp giảng dạy hay không. Không giống như dạng kiểm tra đánh giá về sự thông thạo hay kết quả học tập, dạng bài kiểm tra này thường cho kết quả khá cao về sự tiến bộ của người học. Hiển nhiên khi chúng ta kiểm tra người học những gì chúng ta mới vừa dạy hay thực hành thì chúng ta thường thấy học viên của chúng ta kết quả khá cao. Nếu hầu hết các học viên đều đạt điểm thấp, thì chắc chắn phương pháp giảng dạy, chương trình học hay tài liệu sử dụng trong khóa học có vấn đề.

Thông thường dạng bài kiểm tra đánh giá này tập trung vào một kỹ năng ngôn ngữ nào đó, hoặc là kỹ năng nói, hoặc là kỹ năng viết, hay đọc... Mặc dù chúng ta thường xuyên tiến hành dạng kiểm tra này trong suốt khóa học, nhưng không nên lạm dụng chúng. Kinh nghiệm cho thấy, cách kiểm tra tốt nhất là không để cho học viên nhận ra họ đang bị kiểm tra mà đơn giản họ chỉ nhận thấy đó chỉ là một trong những bài tập như mọi ngày.

Do chúng ta thường thiết kế bài kiểm tra dạng này để đánh giá sự tiến bộ của người học cũng như những gì chúng ta vừa dạy, cho nên cần thận trọng để tránh tình trạng học vẹt. Một khi các học viên nghi ngờ hay đoán ra rằng các bài kiểm tra đánh giá của chúng ta chỉ giới hạn trong những gì chúng ta vừa dạy, thì họ có khuynh hướng học thuộc lòng những gì được học trước đó. Để tránh tình trạng này, chúng ta nên thiết kế bài kiểm tra trong đó yêu cầu học viên áp dụng những gì họ đã học để giải quyết vấn đề khi làm bài. Điều quan trọng nhất là chúng ta không nên sử dụng tài liệu hay sách giáo khoa chúng ta đang giảng dạy để ra đề, mà tốt nhất là chúng ta nên sử dụng tài liệu khác cùng một lĩnh vực ngôn ngữ và các bài khoá khác nhưng giống về đặc điểm và trình độ.

2.1.3. Các bài kiểm tra chẩn đoán - tìm hiểu những khó khăn trong quá trình học

Khi giảng dạy, đôi lúc chúng ta quá tập trung vào chương trình và quên đi nhu cầu của người học. Nếu cứ tiếp tục như thế, chắc sẽ có người học không đạt được những mục tiêu mà chương trình đã đề ra mặc dù chúng ta đã hoàn thành chương trình giảng dạy. Một điều hết sức quan trọng trong từng giai đoạn giảng dạy là chú ý đến nhu cầu của người học. Điều này cũng giống như một bác sĩ chẩn đoán bệnh cho bệnh nhân của mình để điều trị cho thích hợp; do đó giáo viên cũng phải xác định được những điểm yếu kém của học sinh mình để điều chỉnh việc dạy cho hiệu quả.

Những bài kiểm tra dạng này dùng để xác định những điểm mạnh và điểm yếu của người học trong việc sử dụng ngoại ngữ trong suốt quá trình học. Từ đó, giáo viên có thể xác định được điểm nào cần giảng dạy thêm hay bớt đi. Một bài kiểm tra chẩn đoán (diagnostic test) có chất lượng giúp chúng ta kiểm tra sự tiến bộ của người học cũng như phát hiện những khó khăn mà họ gặp phải. Để tìm ra các điểm mạnh và yếu của người học, chúng ta phải có hệ thống khi thiết kế bài kiểm tra; nghĩa là phải biết chính xác những gì chúng ta dự định kiểm tra.

Có một số dạng bài kiểm tra không thích hợp cho việc kiểm tra chẩn đoán. Chẳng hạn như sử dụng một bài kiểm tra về kỹ năng đọc hay kỹ năng viết ngoại ngữ để xác định những điểm yếu hay khó khăn của người học một cách có hệ thống sẽ rất khó. Tuy nhiên những bài kiểm tra về ngữ pháp hay phát âm sẽ rất thích hợp cho việc "chẩn đoán" những khó khăn của người học.

Thông thường, bài kiểm tra "chẩn đoán" là một phần của một loại kiểm tra khác, đặc biệt là dạng bài kiểm tra sự tiến bộ trong một lớp học, hay một chương trình học. Vì vậy dạng bài kiểm tra này rất có ích cho quá trình kiểm tra và giảng dạy sau đó. Tuy nhiên đôi khi chúng ta cũng muốn xác định những điểm yếu hay khó khăn của người học trước khi khoá học bắt đầu (lúc này dạng bài kiểm tra này là một phần của bài kiểm tra sự thông thạo hay xếp lớp) hay cuối khoá học (lúc này nó là một phần của bài kiểm

tra kết quả học tập).

Khi chấm điểm bài kiểm tra dạng này, nên cố gắng xác định và gộp tất cả số điểm của một người học về những kỹ năng ngôn ngữ cụ thể. Chẳng hạn khi kiểm tra kiến thức về ngữ pháp của một ngoại ngữ thì nên gộp tất cả các số điểm mà người học có được dựa trên tất cả các câu hỏi về lĩnh vực ngữ pháp lại với nhau (ví dụ như tổng số điểm về giới từ; tổng số điểm về mạo từ; tổng số điểm về các thì; hay tổng số điểm về các đại từ quan hệ, vân vân).

Những bài kiểm tra dạng "chẩn đoán" này rất quan trọng và cần thiết nếu chúng ta muốn đánh giá việc dạy học. Chúng ta cũng có thể dùng chúng để đánh giá chương trình, đánh giá sách giáo khoa cũng như đánh giá những tài liệu đang dùng để dạy học. Những trở ngại có thể phát sinh do một kỹ năng ngôn ngữ nào đó bị hạn chế trong sách giáo khoa hay do chúng ta không tạo cơ hội cho người học thực hành đầy đủ về kỹ năng này.

2.1.4. Các bài kiểm tra xếp lớp

Các bài kiểm tra dạng này thường dùng để cung cấp những thông tin giúp sắp xếp những người học vào một chương trình nào đó phù hợp với khả năng của họ trước khi khoá học bắt đầu. Một bài kiểm tra dạng này nên mang tính tổng quát và nên tập trung vào việc kiểm tra nhiều kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của người học. Nên tránh việc chỉ tập trung hay giới hạn trong những kỹ năng cụ thể nào đó.

Khi thiết kế dạng bài kiểm tra này, phần quan trọng nhất là các câu hỏi có liên quan trực tiếp đến những kỹ năng cụ thể mà chúng ta yêu cầu người học phải có để có thể tham gia vào khoá học. Ví dụ: dù người học làm tốt bài kiểm tra về kỹ năng đọc hiểu ngoại ngữ thì điều đó cũng hầu như không liên quan mấy đến một khoá học chỉ tập trung vào hai kỹ năng nghe và nói ngoại ngữ đó.

2.1.5. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Bên cạnh các kỳ thi, kiểm tra chính thức và các bài kiểm tra chính thức thường như các bài thi học kỳ hay hết khóa nhằm mục đích kiểm tra kết quả học tập của người học, các giáo viên còn

sử dụng cách kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Bài kiểm tra dạng này thường là những bài kiểm tra về sự tiến bộ hay “chẩn đoán” những điểm yếu cũng như khó khăn của người học. Cách một hay hai tuần chúng ta có thể kiểm tra người học. Có thể thời lượng là một tiết học hay chỉ năm hay mười phút. Có thể tiến hành vào đầu giờ học hay cuối giờ học. Đối với dạng bài kiểm tra này điểm số không quan trọng mà điều quan trọng là chúng ta có thể biết được người học đã nắm bắt được những gì. Nếu hầu hết tất cả người học trong cùng một lớp học hay khóa học phạm cùng một lỗi hay có những khó khăn giống nhau trong khi làm bài kiểm tra thì chúng ta nên xem lại chương trình dạy, tài liệu giảng dạy cũng như cách dạy.

Ngoài ra cũng nên để ý đến tính thú vị của bài kiểm tra. Nên cố gắng thiết kế bài kiểm tra sao cho người học thích làm và học không cảm thấy căng thẳng. Những tài liệu hỗ trợ giảng dạy cũng rất có ích khi dùng để thiết kế các đề kiểm tra. Chẳng hạn cho người học nghe một bài hát bằng ngoại ngữ và điền từ vào chỗ trống.

Một hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên khác ngoài dạng bài kiểm tra là các dự án (projects), các tập hồ sơ bài tập (portfolios) hoặc các hợp đồng học tập (learning contracts). Đặc điểm chung của các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên này là:

- Chúng tập trung vào việc thu thập minh chứng về sự phát triển năng lực ngoại ngữ của học viên theo thời gian thay vì so sánh những học viên này với nhau (như các bài kiểm tra/thi theo chuẩn - norm-referenced tests/examinations).

- Chúng nhấn mạnh vào những điểm mạnh của người học (tức là những gì họ biết) thay cho việc tập trung vào những điểm yếu của họ (những gì họ không biết).

- Chúng tôn trọng các phong cách học khác nhau cũng như trình độ thông thạo ngoại ngữ, phong văn hóa, giáo dục của người học [7].

Đặc điểm cụ thể của hình thức kiểm tra, đánh giá này là những nhiệm vụ cụ thể mà giáo viên giao cho học viên. Ví dụ: giáo viên có thể giao nhiệm vụ cho học sinh lớp 10 môn tiếng Anh, chương trình nâng cao khi học Unit 7, The Mass

Media: 1) một dự án tìm hiểu về mức độ ưa thích của gia đình học sinh này về chương trình thể thao trên kênh VTV3; hoặc 2) một nhiệm vụ sưu tầm những bài viết về bóng đá trên báo Vietnam News rồi viết bài bình luận ngắn khoảng 100 từ tiếng Anh lưu trong tập hồ sơ bài tập và nộp sau 5 tuần; hoặc 3) giáo viên và học sinh cùng đàm phán một hợp đồng học tập trong đó học sinh tự phát hiện những yếu kém về tiếng Anh của mình, chẳng hạn khả năng viết bằng tiếng Anh, rồi tự lập kế hoạch cải thiện khả năng viết tiếng Anh, có thể là dự thảo một bài tiểu luận về những thuận lợi và bất lợi của các phương tiện thông tin đại chúng rồi lấy ý kiến đóng góp của bạn học, của giáo viên tiếng Anh rồi chỉnh sửa, hoàn thiện vào cuối học kỳ 1, v.v...

2.2. Các phương pháp và kỹ thuật xây dựng các bài kiểm tra ngoại ngữ

Các bài kiểm tra ngoại ngữ có thể được phân loại thành 4 phương pháp chủ yếu như: 1) phương pháp dịch luận; 2) phương pháp cấu trúc luận; 3) phương pháp hệ thống; 4) phương pháp giao tiếp.

2.2.1. Phương pháp dịch luận

Phương pháp này không cần đến các kỹ năng đặc biệt nào về kiểm tra đánh giá. Sự nhận xét của chính người giáo viên là quan trọng nhất. Các bài kiểm tra dạng này thường là viết luận, dịch và phân tích ngữ pháp. Các bài kiểm tra này mang nặng tính văn chương.

2.2.2. Phương pháp cấu trúc luận

Phương pháp này được khái quát qua nguyên tắc là việc học ngôn ngữ chủ yếu liên quan đến việc nắm bắt một cách có hệ thống những thói quen sử dụng ngôn ngữ được hình thành trong suốt thời gian đi học. Các bài kiểm tra này tập trung kiểm tra trình độ sử dụng ngôn ngữ qua cấu trúc, đặc biệt là tập trung xác định và đánh giá kiến thức của người học về từng phần riêng rẽ về ngôn ngữ chẳng hạn như: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Việc kiểm tra sự thông thạo trong việc sử dụng ngôn ngữ như thế thường được tiến hành bằng cách dùng các từ vựng hay các câu hoàn

toàn không có liên quan đến những gì học viên đã học. Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ngoại ngữ cũng được kiểm tra riêng rẽ.

2.2.3. Phương pháp hệ thống

Phương pháp này có liên quan đến việc kiểm tra ngôn ngữ trong ngữ cảnh; vì vậy các bài kiểm tra không kiểm tra các kỹ năng ngôn ngữ một cách riêng biệt mà thường được thiết kế để đánh giá khả năng sử dụng nhiều kỹ năng về ngôn ngữ của người học cùng một lúc. Nét đặc trưng của các dạng bài kiểm tra bằng phương pháp hệ thống này là các bài tập dạng điền khuyết, viết chính tả, dạng nhiều chọn lựa hay viết bài luận.

Những bài tập điền khuyết phải đủ độ dài để có thể đủ chỗ trống để tạo độ tin cậy cao cho bài kiểm tra. Để bài kiểm tra mang tính thực tế thì những bài tập điền khuyết nên được thiết kế sao cho thí sinh có thể tự điền từ của riêng mình theo ngữ cảnh của bài khoá. Hiện nay dạng bài tập này được sử dụng rất thường xuyên trong các bài kiểm tra vì người ta cho rằng dạng bài tập này có thể cho phép kiểm tra được 3 loại kiến thức của người học: thứ nhất là kiến thức về ngôn ngữ, kiến thức về ngữ cảnh và kiến thức về thế giới xung quanh (thực tế).

Dạng bài viết chính tả thường dùng để kiểm tra kỹ năng nghe hiểu của người học. Dạng bài tập này rất cần thiết để kiểm tra phát âm của người học, đặc biệt là tiếng Anh vì trong tiếng Anh có rất nhiều từ có phát âm giống nhau nhưng chỉ khác nhau ở dấu nhấn hay âm cuối. Khi sử dụng dạng bài tập này trong bài kiểm tra nên đọc lại vài lần bài chính tả. Sau đó chúng ta nên làm thử bài tập này. Cuối cùng, sau khi viết xong nên cho thí sinh nghe lại toàn bộ bài khoá một lần với tốc độ chậm hơn so với tốc độ thường.

Ngoài ra trong phương pháp xây dựng bài kiểm tra theo phương pháp hệ thống thì dạng bài tập "dịch" cũng được sử dụng. Tuy nhiên dạng bài tập này không có độ tin cậy cao do rất phức tạp khi cho điểm.

2.2.4. Phương pháp giao tiếp

Phương pháp giao tiếp dùng trong việc xây dựng các bài kiểm tra về ngôn ngữ đôi khi có liên

quan đến phương pháp hệ thống ở trên. Tuy nhiên, phương pháp giao tiếp chủ yếu tập trung vào việc kiểm tra việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của các thí sinh. Vì vậy, những bài tập trong bài kiểm tra dạng này rất thực tế cũng như gần gũi với đời sống hàng ngày của các thí sinh.

Những bài tập hay yêu cầu trong bài kiểm tra sử dụng phương pháp này rất đa dạng và kiểm tra hầu như toàn bộ các khả năng sử dụng ngôn ngữ của thí sinh như nghe, nói, đọc và viết. Nhìn chung, một bài kiểm tra được cho là có chất lượng nếu chúng ta biết cách kết hợp các phương pháp lại với nhau, tùy thuộc vào mục đích cụ thể của bài kiểm tra.

Ngoài ra chúng ta còn có thể dùng phương pháp kiểm tra dựa vào nhiệm vụ (task-based testing). Các bài kiểm tra dựa vào các nhiệm vụ giúp chúng ta kiểm tra mức độ thông thạo của người học trong việc sử dụng ngoại ngữ trong những tình huống cụ thể. Những bài kiểm tra dạng này thường kiểm tra, đánh giá xem người học có thể hiểu và xử lý các thông tin ngoại ngữ như thế nào khi nói chuyện điện thoại, hoàn thành một mẫu đơn xin việc hay thuyết phục ai đó mua một món hàng...

Trong thực tế, việc xây dựng một bài kiểm tra đánh giá không đơn giản mà là công việc của một tập thể, một tổ chức, đôi khi còn là cả quốc gia. Dù sao, chúng ta cũng cần lưu ý để các bài kiểm tra đánh giá không là những cái bẫy hay đánh đố người học chẳng hạn như không nên đưa vào bài kiểm tra những gì học viên chưa được dạy hay chưa được học. Tất cả các bài kiểm tra được xây dựng nhằm mục đích tìm hiểu trình độ ngôn ngữ người học. Bằng những bài kiểm tra có chất lượng, có độ giá trị và độ tin cậy cao, các giáo viên, những nhà giáo dục, các tổ chức khác có thể kiểm tra được học viên, nhân viên hay những người mà công việc của họ có liên quan đến kiến thức ngôn ngữ.

2.3. Bảng đặc tính kỹ thuật khi làm đề kiểm tra

Để có thể thiết kế các đề kiểm tra theo mục tiêu của mình, giáo viên thường xây dựng một

bảng qui cách hoặc đặc tính kỹ thuật nhằm xác định tiến trình nhận thức mà các học sinh của mình phải thực hiện, nội dung thực hiện trong

suốt quá trình này. Thêm vào đó, giáo viên cần nhấn mạnh các mục tiêu quan trọng đã được dạy. Sau đây là ví dụ về một bảng đặc tính kỹ thuật.

BẢNG QUI CÁCH						
	Chiều quá trình					
Chiều nội dung	Biết	Hiểu	Ứng dụng	Phân tích	Tổng hợp	Đánh giá
Các giai đoạn viết	X(L)	X(M)				
Câu chủ đề						
Viết bài luận			X(M)	X(L)	X(H)	

Bảng qui cách thường có hai chiều, chiều nội dung và chiều quá trình. Chiều nội dung thường gồm các chủ đề giảng dạy chính và hoạt động đánh giá. Chiều quá trình, như chúng ta thấy ở Bảng trên, là phép phân loại của Bloom (1956). Bảng phân loại nổi tiếng này là sáu quá trình nhận thức có liên quan đến mỗi chủ đề nội dung. Khi nhìn vào Bảng trên, ta có thể thấy rằng nơi giao nhau giữa Biết (chiều quá trình) và các giai đoạn viết (chiều nội dung) được thể hiện bằng chữ cái X vốn có liên quan đến mục tiêu. Ở đây, học sinh có thể liệt kê ba giai đoạn của quá trình viết ngoại ngữ (chuẩn bị viết, viết, đọc và sửa lại bài viết). Điều này có nghĩa là học sinh phải nhớ tên cả ba giai đoạn. Chữ cái L sau chữ cái X là số thời gian cần thiết cho mục tiêu này. Ở chỗ này, học sinh chỉ có nhiệm vụ phải nhớ lại, nên phần này không đòi hỏi nhiều thời gian. Phần giao nhau giữa Hiểu (chiều quá trình) và các giai đoạn viết (chiều nội dung) cũng liên quan đến mục tiêu. Học sinh có thể giải thích bằng các từ vựng của chính mình về mục đích của ba giai đoạn viết. Cần chú ý rằng các giai đoạn của quá trình viết

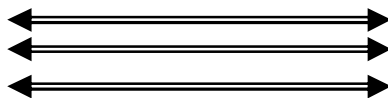
đều có liên quan đến hai mục tiêu khác nhau. Điều đó là do giáo viên đề cập đến hai quá trình là nhớ và giải thích. Chúng ta cũng nên lưu ý rằng giáo viên thường quan tâm đến khả năng giải thích của học sinh hơn là khả năng nhớ lại các giai đoạn (L). Giáo viên cũng có thể ghi số câu hỏi dự kiến nơi chiều nội dung và chiều quá trình giao nhau thay vì sử dụng các chữ cái L, M và H.

2.4. Các loại câu hỏi kiểm tra

Dưới đây là những dạng câu hỏi kiểm tra ngoại ngữ (tiếng Anh) thường được sử dụng. Việc lựa chọn đúng loại câu hỏi cho đúng mục đích và thời điểm là vô cùng quan trọng [8], [9]. Một số dạng câu hỏi được gọi là khách quan (objective) do có thể được chấm một cách khách quan, không cần suy đoán chủ quan của người chấm. Một số dạng câu hỏi được gọi là chủ quan (subjective) do cần được chấm theo suy đoán chủ quan của người chấm. Davies và Pearse [10] dùng bảng sau để phân loại các dạng câu hỏi:

Độ tin cậy cao hơn

chủ quan
ngôn ngữ
nhận biết



Độ giá trị cao hơn

khách quan
giao tiếp
sản sinh

2.4.1. Dạng câu hỏi nhiều lựa chọn- thuộc loại khách quan

Gồm một câu dẫn và nhiều lựa chọn khác nhau. Dạng câu hỏi này có ưu điểm là dễ chấm và giảm thiểu khả năng đoán mò của thí sinh do có nhiều câu nhiễu. Bất lợi của dạng câu này là khó xây dựng được các phương án lựa chọn một

cách hiệu quả và tốn nhiều thời gian thiết kế. Nó cũng khiến thí sinh, nhất là những thí sinh ở trình độ thấp phải xử lý nhiều thông tin như đọc hiểu câu dẫn và các lựa chọn trước khi làm bài nên có thể ảnh hưởng tới độ giá trị của đề thi nếu câu hỏi không được thiết kế để kiểm tra khả năng đọc hiểu. Dạng câu hỏi này có thể được dùng để kiểm

tra ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng đọc, nghe. Tuy nhiên, thí sinh vẫn có thể đoán mà không cần biết câu trả lời đúng.

Cook is _____ today for being one of Britain's most famous explorers.

- a) recommended b) reminded c) recognised d) remembered

2.4.2. Dạng ghép đôi-khách quan

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Match the word on the left to the word with the opposite meaning.

<i>fat</i>	<i>old</i>
<i>young</i>	<i>tall</i>
<i>dangerous</i>	<i>thin</i>
<i>short</i>	<i>safe</i>

Dạng câu hỏi này thường được dùng để kiểm tra từ vựng. Thí sinh phải nối một từ ở cột thứ nhất với một từ thích hợp ở cột thứ hai. Để tránh

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Choose the correct word to complete the sentence.

thí sinh đoán mò, nên chuẩn bị nhiều từ hơn mức cần thiết.

2.4.3. Dạng biến đổi câu - chủ quan/khách quan

Thí sinh phải biến đổi câu theo chỉ dẫn hoặc một từ cho trước. Dạng này thường được dùng để kiểm tra ngữ pháp và nhận biết các dạng thức, không thích hợp khi kiểm tra các kỹ năng đọc hoặc nghe ngoại ngữ.

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Complete the second sentence so that it has the same meaning as the first.

'Do you know what the time is, John?' asked Dave.

Dave asked John _____ (what) _____ it was.

2.4.4. Điền khuyết - khách quan

Có ưu điểm là dễ xây dựng và chấm nhưng đôi khi có thể có hơn một câu trả lời đúng. Có thể dùng để kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và nghe để lấy thông tin chi tiết.

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Complete the sentence.

Check the exchange ____ to see how much your money is worth.

2.4.5. Đúng - Sai - Khách quan

Thí sinh phải quyết định một câu được nêu là đúng hay sai. Loại câu hỏi này dễ chấm nhưng thí sinh có thể đoán mò. Thường được dùng để kiểm tra nghe hiểu và đọc hiểu.

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Decide if the statement is true or false.

England won the world cup in 1966. T/F

2.4.6. Câu hỏi mở - chủ quan

Thí sinh phải trả lời câu hỏi sau khi nghe hoặc đọc một bài khóa hoặc khi tham gia phỏng

vấn. Ưu điểm là đánh giá chính xác hơn năng lực ngôn ngữ của thí sinh nhưng lại có nhược điểm là mang tính chủ quan của người chấm và tốn thời gian chấm. Có thể được dùng để kiểm tra cả kiến thức lẫn kỹ năng ngôn ngữ. Tuy nhiên, dạng câu hỏi này dùng để kiểm tra 4 kỹ năng ngôn ngữ sẽ tốt hơn kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng.

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Answer the questions.

Why did John steal the money?

2.4.7. Sửa lỗi - khách quan/chủ quan

Ví dụ về dạng câu hỏi này:

Find the mistakes in the sentence and correct them.

Ipswich Town was the more better team on the night.

Thí sinh cần tìm và sửa các lỗi sai trong một câu hoặc một đoạn văn. Đó có thể là một từ thừa hay một lỗi sai về dạng của động từ, một từ viết sai, v.v... Nhược điểm là đôi khi một số lỗi có

thể sửa bằng nhiều cách. Thích hợp để kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và nghe hiểu, đọc hiểu.

2.4.8. Các dạng câu hỏi khác - chủ quan

Gồm dịch, viết luận, viết chính tả, sắp xếp từ theo trật tự đúng. Điều quan trọng là người viết đề phải nắm rõ mình muốn kiểm tra cái gì, dạng câu hỏi nào thích hợp nhất, và sau hết là các nhược điểm của từng dạng câu hỏi.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn dạy học môn Ngoại ngữ số 7484/BGDĐT-GDTrH ngày 1/9/2008.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông* (Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [3] A. Hughes, *Testing for language teachers*, Cambridge: Cambridge University Press, 1989.
- [4] Phạm Việt Vương, *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHQGHN, 1996.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu phân phối chương trình THPT, Môn Tiếng Anh, năm học 2009-2010.
- [6] A. Hughes, *Testing for language teachers*, Cambridge: Cambridge University Press, 1989.
- [7] Jo-Ellen Tannenbaum, Practical Ideas On Alternative Assessment For ESL Students. Retrieved 22 Feb 2010 at <http://www.cal.org/resources/digest/tannen01.html>.
- [8] Frost, R., Testing and Assessment, at <http://www.teachingenglish.org.uk/think/methodology/test>.
- [9] Tô Thị Thu Hương, Các thuộc tính của dạng câu hỏi nhiều lựa chọn, Hội thảo khoa học của đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN về *Xây dựng hệ thống thuộc tính tiêu mục thi- kiểm tra kỹ năng thực hành ngoại ngữ có sử dụng phần mềm chuyên dụng*, 2001.
- [10] Davies, P. & Pearse, E., *Success in language teaching*. Hongkong, OUP, 2000.

Pedagogical base of foreign language testing and assessment at secondary schools in Vietnam

To Thi Thu Huong

*Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Testing and assessment is an important part of education in general, of foreign language teaching-learning in particular. In the context that Vietnam is implementing the strategy for teaching and learning foreign languages in the national education system in order to improve the foreign language abilities for its citizens to meet the demands of integration into the world economy, the renovation of methods for testing and assessment of foreign languages at Vietnamese secondary schools is a contributing effort toward the success of the implementation. The paper discusses the pedagogical base of testing and assessment of foreign languages at Vietnamese secondary schools. Its content comprises two parts: 1) Relationship between testing, assessment and teaching-learning of foreign language and 2) Types of foreign language tests and assessment applicable to Vietnamese secondary schools.